|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

**QUY ĐỊNH**

**Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách**

**công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND*

*ngày /12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tham gia cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt (sau đây viết tắt là chủ dự án) được Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh ký hợp đồng thực hiện.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là loại hình kinh doanh vận tải hành khách được qui định tại Khoản 8 Điều 56 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024.

2. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm: đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa; trạm cung cấp năng lượng cho xe buýt.

3. Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm xe buýt sử dụng năng lượng sạch và xe buýt thông thường.

4. Xe buýt sử dụng năng lượng sạch là xe buýt sử dụng điện, khí hóa lỏng, khí thiên nhiên thay thế xăng, dầu.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Ưu tiên và miễn tiền thuê đất để xây dựng hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Ưu tiên bố trí quỹ đất để doanh nghiệp vận tải đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, gồm: Trung tâm điều hành xe buýt, trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe buýt, nhà chờ, điểm dừng, điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất đối với diện tích để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định miễn tiền thuê đất thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính về thu tiền thuê đất. Doanh nghiệp, hợp tác xã được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Điều này không được phép chuyển nhượng, góp vốn, thế chấp, bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được miễn tiền thuê đất; chỉ được phép chuyển nhượng, góp vốn, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản thuộc sở hữu của mình đã đầu tư trên đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không còn nhu cầu sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) thì Nhà nước thực hiện thu hồi đất và xử lý tài sản đã đầu tư trên đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 5. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện vận tải, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất tiền vay cho chủ dự án thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 2 Qui định này trong phạm vi số vốn vay tại thời điểm xét hỗ trợ lãi suất và trong hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất.

b) Chủ dự án chỉ được hưởng hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Chủ dự án không được hưởng hỗ trợ đối với khoản vay tổ chức tín dụng để thực hiện cho dự án khác.

c) Trường hợp các khoản vay (gồm cả gốc và lãi) bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ thì không được hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian khoản vay bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ. Trường hợp chủ dự án đã thanh toán nợ quá hạn và trả nợ đúng hạn từ kỳ trả nợ tiếp theo thì chủ dự án tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo Qui định này.

d) Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau cho dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thì chủ dự án được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

2. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất vay vốn

Chủ dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện chung sau:

- Có dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư.

- Có vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và sử dụng vốn vay đúng mục đích.

- Là đơn vị vận tải được Sở Giao thông vận tải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Đối với dự án đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt ngoài các điều kiện trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Phương tiện vận tải đầu tư phải đáp ứng được các qui định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt mà đơn vị vận tải đã ký kết với Sở Giao thông vận tải.

3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Được tính theo tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng giá trị quyết toán đối với dự án đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng; 100% tổng kinh phí đầu tư phương tiện theo gói thầu trúng thầu hoặc theo Hợp đồng đặt hàng, phương án khai thác được duyệt.

4. Mức hỗ trợ lãi suất

a) Đối với dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Hỗ trợ lãi suất 70% mức lãi suất theo hợp đồng ký kết giữa chủ dự án và tổ chức tín dụng, nhưng không vượt quá mức lãi suất trung bình của 04 Ngân hàng, gồm: Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank.

b) Đối với dự án đầu tư phương tiện: Hỗ trợ lãi suất 100% mức lãi suất theo hợp đồng ký kết giữa chủ dự án và tổ chức tín dụng, nhưng không vượt quá mức lãi suất trung bình của 04 Ngân hàng, gồm: Ngân hàng BIDV; Ngân hàng Vietcombank; Ngân hàng Vietinbank và Ngân hàng Agribank.

5. Thời hạn hỗ trợ: Theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng nhưng tối đa không quá 60 tháng đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; không quá thời gian khấu hao của phương tiện và thời hạn hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết đối với dự án đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhưng không vượt quá thời gian vay vốn thực tế của từng khoản vay.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ dự án bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của chủ dự án có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án (theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm Qui định này).

- Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

- Hợp đồng tín dụng.

- Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức tín dụng xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Bảng kê hoặc bảng tính số tiền lãi đề nghị được hỗ trợ. |  |  |  |  |  |

b) Chủ dự án có thể nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Trường hợp chủ dự án nộp hồ sơ qua đường bưu điện, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực và thời gian nhận hồ sơ được tính theo dấu bưu điện. Trường hợp chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

7. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

a) Chủ dự án thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi hoàn tất hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Qui định này nộp cho Sở Giao thông vận tải nơi chủ dự án thực hiện dự án.

b) Căn cứ vào hồ sơ của chủ dự án, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của chủ dự án, Sở Giao thông vận tải kiểm tra, rà soát hồ sơ, nếu thấy hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho chủ dự án để hoàn thiện, bổ sung. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ dự án, Sở Giao thông vận tải rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ và tổng hợp trình Sở Tài chính thẩm định.

c) Trong thời gian 10 ngày làm việc, Sở Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ra quyết định về danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án.

Quyết định hỗ trợ cho chủ dự án được gửi cho các cơ quan: Sở Giao thông vận tải; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước và được công bố công khai.

đ) Căn cứ quyết định hỗ trợ chủ dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính lập Lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện.

e) Căn cứ Lệnh chi tiền của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán số tiền hỗ trợ lãi suất cho chủ dự án.

**Điều 6. Về trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.**

Khi phân bổ ngân sách, ưu tiên phân bổ cho công tác trợ giá hoạt động vận tải hành khách công cộng bàng xe buýt.

Việc thực hiện thanh toán trợ giá đối với các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo qui định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

**Điều 7. Miễn, giảm giá vé cho một số đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

Doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện:

1. Miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm 50% giá vé đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi là công dân Việt Nam sử dụng vé tháng khi tham gia giao thông bằng xe buýt.

3. Giảm 50% giá vé đối với học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam sử dụng vé tháng khi tham gia giao thông bằng xe buýt.

**Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện:**Ngân sách nhà nước.

**Điều 9. Xử lý một số trường hợp vi phạm**

1. Khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay sai mục đích, tổ chức tín dụng cho vay thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, có văn bản thông báo ngay cho Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh dừng cấp hỗ trợ lãi suất cho chủ dự án. Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định yêu cầu chủ dự án phải hoàn trả số tiền đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất (trong trường hợp đã hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước) hoặc không cấp hỗ trợ lãi suất (trong trường hợp chưa hỗ trợ lãi suất); đồng thời chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện việc thu hồi số tiền phải hoàn trả cho ngân sách nhà nước.

2. Xử lý các trường hợp vi phạm về đất

a) Khi nhà nước đã giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhưng doanh nghiệp vận tải, chủ dự án không còn nhu cầu sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích thì nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất đã giao hoặc cho thuê đất. Tài sản đã đầu tư trên đất được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đất được nhà nước giao hoặc cho thuê nhưng quá thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày quyết định giao đất hoặc cho thuê đất mà doanh nghiệp vận tải, chủ dự án không lập thủ tục đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đã giao hoặc cho thuê đất đó theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp**

Qui định cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh được thực hiện đến khi Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày /12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Ninh có hiệu lực.

**Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Qui định này, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh trong các kỳ họp thường lệ.

b) Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung cơ chế, chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản theo thẩm quyền.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án thực hiện lập dự án đầu tư phương tiện vận tải, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng các quy định của nhà nước.

b) Lập hồ sơ hỗ trợ lãi suất gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

c) Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

d) Định kỳ hàng năm, dự kiến kinh phí trợ giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện cho năm tiếp theo.

đ) Định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và UBND tỉnh kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của năm trước theo Phụ lục 3, Phụ lục 4 kèm theo Qui định này.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện vận tải, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

c) Trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí thực hiện trợ giá hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

d) Cấp phát kinh phí hỗ trợ và thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư, trợ giá hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và giảm giá vé cho một số đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Rà soát và bổ sung (nếu có) quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương, nhất là các điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt để tạo quỹ đất xây dựng trung tâm điều hành, trạm sửa chữa bảo dưỡng, bãi đỗ xe buýt, điểm đầu, điếm cuối các tuyến xe buýt.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án lập thủ tục về chấp thuận địa điểm đầu tư, giao đất hoặc cho thuê đất để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt.

c) Phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố ưu tiên bố trí quỹ đất và thực hiện chính sách miễn tiền thuê đất đối với các dự án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

4. Cục thuế tỉnh hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án lập các thủ tục và thực hiện việc miễn tiền thuê đất và các chính sách ưu đãi về thuế theo đúng quy định.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường học, cơ sở đào tạo thông tin, tuyên truyền, khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; khuyến khích các trường phối hợp với hội phụ huynh học sinh tổ chức đưa đón học sinh bằng xe buýt.

6. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn doanh nghiệp vận tải trong việc xác định các trường hợp thuộc đối tượng miễn giảm giá vé theo Quy định này.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các sở, ngành liên quan quy hoạch, bố trí quỹ đất để doanh nghiệp vận tải, chủ dự án đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân địa phương mình sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

8. Trách nhiệm của doanh nghiệp vận tải, chủ dự án:

a) Lập dự án đầu tư phương tiện vận tải, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở vay vốn đầu tư và thực hiện thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư theo quy định.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất và theo Quy định này; thực hiện hoàn trả số tiền hỗ trợ khi sử dụng vốn vay sai mục đích theo quyết định của UBND tỉnh.

c) Tổng hợp, thống kê số lượng vé, số tiền miễn giảm giá vé dành cho một số đối tượng quy định tại Điều 7 Quy định này; lập đầy đủ thủ tục, lưu trữ hồ sơ để cơ quan nhà nước kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

**Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định**

Quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; doanh nghiệp vận tải, chủ dự án phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định/.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hương Giang**

**Phụ lục 1**

*(Dành cho chủ dự án là tổ chức, doanh nghiệp)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 *Bắc Ninh, ngày ... tháng ... năm ....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN  
Thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng  
phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh - Sở Tài chính Bắc Ninh |

Tên đơn vị:

Người đại diện theo pháp luật:

Số căn cước công dân: ................ cấp ngày ............. do công an ................. cấp.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ......................................................................

Nơi ở hiện tại: ....................................................................................................

Là chủ dự án(1).................. tại(2):.................. đã được(3).............. phê duyệt dự án.

(5)......... đã vay vốn tại(4) .........số tiền là .........để thực hiện dự án(1)  ..................

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày /…./2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh,(5) .... đề nghị được hỗ trợ số tiền: ............ triệu đồng cho năm...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản ... tại ngân hàng/Kho bạc...

(5) ...... xin cam kết đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và cam kết nếu không tiếp tục thực hiện dự án .... (5) ...... sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ lãi suất vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN** **ĐỊA PHƯƠNG** *(Chức danh, ký tên, đóng dấu)* | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO**  **PHÁP LUẬT** *(ký tên, đóng dấu)* |

(1) Tên dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

(2) Địa bàn nơi thực hiện dự án

(3) Tên cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án

(4) Tên tổ chức tín dụng

(5) Tên đơn vị

**Phụ lục 2**

*(Dành cho chủ dự án là cá nhân)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 *Bắc Ninh, ngày ... tháng ... năm ....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN  
Thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng  
phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh - Sở Tài chính Bắc Ninh |

Tôi tên là:

Số căn cước công dân: ............... cấp ngày .............. do công an .................. cấp.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ......................................................................

Nơi ở hiện tại: ....................................................................................................

Là chủ dự án(1).................. tại(2):.................. đã được(3).................. phê duyệt dự án.

Tôi đã vay vốn tại(4) .........số tiền là .........để thực hiện dự án(1)  ..................

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày /…./2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ số tiền: ............ triệu đồng cho năm...

Tên người thụ hưởng: ...

Số tài khoản ... tại ngân hàng/Kho bạc...

Tôi xin cam kết đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và cam kết nếu không tiếp tục thực hiện dự án .... tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ lãi suất vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN**  **ĐỊA PHƯƠNG** *(Chức danh, ký tên, đóng dấu)* | **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(ký tên, đóng dấu)* |

(1) Tên dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

(2) Địa bàn nơi thực hiện dự án

(3) Tên cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án

(4) Tên tổ chức tín dụng

**Phụ lục 3**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC NINH  **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  Số: /BC-SGTVT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**  *Bắc Ninh, ngày tháng năm ….* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN, ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG**

**BẰNG XE BUÝT**

(Năm... )

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Ninh

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm** | |  | | **Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm** | | **Số tiền còn được hỗ trợ lãi suất trong năm** |
|  | | **Số tiền** | **Lý do thu hồi** |  |
| (1) | | (2) | (3) | (4) | |  | | (5) | (6) | (7)=(4)-(5) |
| 1 | | Dự án A | triệu đồng |  | |  | |  |  |  |
| 2 | | Dự án B | triệu đồng |  | |  | |  |  |  |
| 4 | | .... |  |  | |  | |  |  |  |
|  | | Tổng cộng |  |  | |  | |  |  |  |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** | | | |  | | **GIÁM ĐỐC**  *(ký tên, đóng dấu)* | | | | |

***Nơi nhận:***  
- Bộ Tài chính;  
- Bộ Giao thông vận tải;  
- NHNNVN.

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC NINH  **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  Số: /BC-SGTVT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**  *Bắc Ninh, ngày tháng năm ….* |

**Phụ lục 4**

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN, ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG**

**BẰNG XE BUÝT**   
(Từ năm... đến năm ...)

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Ninh

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Nội dung** | **Tổng số dự án được hỗ trợ lãi suất** | **Tổng số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm** | | **Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm** | | **Số tiền thực tế đã hỗ trợ lãi suất trong năm** |
| **Số dự án** | **Số tiền** |  |
| (1) | | (2) | (3) | (4) | | (5) | (6) | (7)=(4)-(6) |
| 1 | | Năm... |  |  | |  |  |  |
| 2 | | Năm... |  |  | |  |  |  |
| 3 | | Năm... |  |  | |  |  |  |
|  | | Tổng cộng |  |  | |  |  |  |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** | | | | **GIÁM ĐỐC** *(ký tên, đóng dấu)* | | | | |

***Nơi nhận:***  
- Bộ Tài chính;  
- Bộ Giao thông vận tải;  
- NHNNVN.